TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-PT
Ngày: 08-02-2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Ông **Trần Bình Đảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Cao Phương Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 204/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Danh Thị L**, sinh năm: 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đoàn Thiện Đ**, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ: 161/7/ đường C, phường C, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn:

1. Ông **Nhâm Quang H**, sinh năm: 1972. Có mặt

2. Bà **Danh Thị N**, sinh năm 1973. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 8, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1960. Vắng mặt

2. Bà **Đoàn Thị U**, sinh năm 1962. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 6, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Công ty luật TNHH MTV Anh Dũng

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Anh D** – Giám đốc

Địa chỉ: 138-140 đường Đ, phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Thị Mỹ N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 1, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà **Danh Thị L**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Danh Thị L - Ông Đoàn Thiện Đ trình bày:

Ngày 06/7/2012, bà L có làm hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Phạm Văn H và bà Đoàn Thị U nhưng lúc này bà L mang thai và bận nhiều công việc nên nhờ chị ruột là bà Danh Thị N và chồng là ông Nhâm Quang H đứng tên dùm trên hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất, nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc và thành quả lao động gắn liền với đất tại tổ 9, khu phố 6 (Bãi Khem), thị trấn A, huyện P với diện tích là 60m^2, phía đông giáp bà Phạm Thị Kim T, phía tây giáp Nguyễn Hồng T, phía nam giáp đường lộ với giá là 30.000.000 đồng, có sự chứng kiến của Phạm Thị Kim T và Nguyễn Hồng Th. Trên thực tế là bà L trực tiếp quản lý diện tích trên.

Đến năm 2014, diện tích đất trên đã bị nhà nước thu hồi làm khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem và được chính quyền chấp nhận đền bù, hỗ trợ di dời và bà L cũng thực tế nhận được tiền hỗ trợ đợt 1 là ngày 22/01/2020, trên danh nghĩa anh rể và chị ruột bà L nhận 71.532.500 đồng. Đợt hai là ngày 06/3/2020, ông H và bà N nhận 71.532.500 đồng. Tổng hai đợt là 143.065.000 đồng nhưng ông H và bà N chỉ giao cho bà L 02 đợt là 70.000.000 đồng.

Do bà L trực tiếp nhận đền bù của chính quyền nên bà L có yêu cầu bà N và ông H ký xác nhận cho bà L là chủ của diện tích đất trên. Ông H và bà N vẫn thừa nhận diện tích đất trên là của bà L và có chuyển cho bà L số tiền đền bù là 70.000.000 đồng nhưng không chịu ký xác nhận cho bà L diện tích đất trên mà còn đe dọa là bà L còn yêu cầu ông H xác nhận nữa thì ông sẽ nói diện tích đất trên là của ông chứ không phải của bà L.

Bà L yêu cầu UBND thị trấn A hòa giải thì tại đây ông H và bà N thừa nhận diện tích đất và tài sản trên đất mà Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Phú Quốc hỗ trợ là của bà L mà ông H và bà N đứng tên dùm và ông H, bà N nhận tổng cộng là 143.065.000 đồng nhưng chỉ đưa cho bà L 70.000.000

đồng. Tại buổi hòa giải bà L đồng ý cho ông H, bà N 20.000.000 đồng và yêu cầu ông H, bà N trả lại số tiền còn lại là 53.065.000 đồng và yêu cầu ông H, bà N ký xác nhận diện tích đất và tài sản trên đất là của bà L để bà L khiếu nại đền bù. Ông H và bà N đồng ý trả lại tiền nhưng không đồng ý ký xác nhận việc ủy quyền cho bà L diện tích đất trên và cho đến nay vẫn chưa trả cho bà L số tiền 53.065.000 đồng.

Bà Lan yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà N trả lại cho bà L số tiền 53.065.000 đồng mà ông H, bà N giữ khi ban bồi thường huyện Phú Quốc hỗ trợ cho bà L.

Yêu cầu công nhận QSD đất đối với diện tích đất 60m^2, phía đông giáp bà Phạm Thị Kim T, phía tây giáp Nguyễn Hồng T, phía nam giáp đường lộ thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của bà L theo quy định của pháp luật để bà L trực tiếp thực hiện việc khiếu nại hoặc khởi kiện tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nhâm Quang H trình bày:*** Vợ ông (Danh Thị N) là chị ruột của bà Danh Thị L. Ngày 06/7/2012 bà L có làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của ông Phạm Văn H và bà Đoàn Thị U diện tích 60m^2 ở Bãi Khem thuộc ấp 6, thị trấn A, huyện P nhưng do bà L có lý do riêng nên không đứng tên mua mà nhờ vợ chồng ông đứng tên dùm nên vợ chồng ông ký hợp đồng chuyển nhượng với vợ chồng ông H, bà U. Giá chuyển nhượng là 30.000.000 đồng. Chỉ làm hợp đồng tay vì lúc mua đất của ông H, bà U chưa có giấy chứng nhận QSD đất.

Năm 2016 thì khu đất này quy hoạch nên nhà nước ra quyết định thu hồi nhưng không có bồi thường, hỗ trợ do nhà nước nói đất bao chiếm. Sau đó, bà L có ủy quyền cho ông để ông thuê luật sư đứng ra khiếu nại Ủy ban. Do đó ông có thuê Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng do Luật sư Trần Anh D làm đại diện đứng ra khiếu nại cho ông cùng khoảng 30 hộ dân khác cũng không được đền bù. Sau khi khiếu nại thì Ủy ban đồng ý bồi thường cho ông với số tiền 02 đợt là 143.065.000 đồng, vợ chồng ông đã giao cho bà L 70.000.000 đồng, còn lại 73.065.000 đồng bà L hứa cho vợ chồng ông 20.000.000 đồng, còn lại 53.065.000 đồng vợ chồng ông đang giữ để thanh toán cho luật sư đã thuê. Chính bà L đồng ý cho vợ chồng ông đứng ra thuê luật sư, tiền thuê luật sư là 40% trên số tiền nhà nước đền bù. Hiện tại vẫn chưa thanh toán cho luật sư.

Đất này nhà nước đã thu hồi để xây dựng khu phức hợp Bãi Khem. Vợ chồng ông thừa nhận đất này là của bà L, vợ chồng ông chỉ đứng tên dùm và khi nhà nước bồi thường cũng đã đưa tiền lại cho L, vợ chồng ông đồng ý trả lại số tiền 53.065.000 đồng cho L nhưng khi luật sư Anh D yêu cầu trả tiền thuê luật sư thì bà L phải đứng ra trả và hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**** Bị đơn bà Danh Thị N*** vắng mặt tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 trình bày thống nhất với lời trình bày của ông Nhâm Quang H.

Công ty Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng trình bày tại đơn yêu cầu độc lập ngày 30/11/2021 như sau:

Năm 2016, ông H có thửa đất bị nhà nước thu hồi diện tích khoảng 72m^2 toạ lạc tại phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để xây dựng dự án "Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang".

Đến ngày 12/4/2016, UBND huyện P (nay là thành phố P) ban hành Quyết định số 1414/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng UBND huyện P không bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H theo đúng quy định pháp luật.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện P, ngày 10/7/2018 ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 39/2018/HĐ-ADL với Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng, yêu cầu Công ty Luật MTV Anh Dũng tư vấn pháp luật, hoàn thiện hồ sơ khiếu nại, khởi kiện hoặc áp dụng các biện pháp để yêu cầu UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất trên theo đúng, đủ quy định pháp luật.

Giá trị hợp đồng dịch vụ pháp lý là 40% trên tổng số tiền ông H nhận được khi được cơ quan nhà nước bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thể hiện rõ tại Điều 3 Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Ngày 20/01/2020, ông H nhận được Quyết định số 806/QĐ-UBND về việc hỗ trợ vật kiến trúc với số tiền 143.065.000 đồng. Đến ngày 06/3/2020 thì ông H đã nhận được tiền 143.065.000 đồng.

Theo Điều 3 Hợp đồng dịch vụ pháp lý thì ông H phải thanh toán cho công ty luật số tiền 143.065.000 đồng x 40% = 57.226.00 đồng. Sau khi nhận được tiền đến nay ông H và bà N chưa thanh toán số tiền trên cho công ty luật.

Nay yêu cầu Toà án buộc ông Nhâm Quang H và bà Danh Thị N thanh toán cho Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng số tiền dịch vụ pháp lý 57.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H và bà Đoàn Thị U đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của ông H và bà U được.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc*

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 401, Điều 513, Điều 515 BLDS năm 2015; Điều 12 và khoản 4 Điều 67 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị L về việc công nhận QSDĐ diện tích 60m^2 tại tổ 9, ấp 6 (Bãi Khem), thị trấn A, huyện P và yêu cầu buộc ông Nhâm Quang H, Danh Thị N trả lại số tiền 53.065.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Luật TNHH Anh Dũng.

Buộc ông Nhâm Quang H và bà Danh Thị N trả cho Công ty Luật TNHH Anh Dũng phí dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 39/2018/HĐ-

ADL ký ngày 20/7/2018 với số tiền 53.065.000 đồng (Năm mươi ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của Công ty Luật TNHH Anh Dũng về việc yêu cầu ông H, bà L trả số tiền 3.935.000 đồng (Ba triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Bà Danh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 2.953.250 đồng. Khấu trừ 1.626.625 đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007555 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang nên bà L còn phải nộp tiếp 1.326.625 đồng (Làm tròn: Một triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Ông H, bà N phải chịu 2.653.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Làm tròn: Hai triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng không phải chịu án phí nên được hoàn trả 1.425.000 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004261 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 nguyên đơn bà Danh Thị L có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, công nhận căn nhà mà bà chuyển nhượng với bà Đoàn Thị U và ông Phạm Văn H là của bà để bà tự đi khiếu nại hoặc khởi kiện trong việc Nhà nước thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Thiện Đ và ông Nhâm Quang H thỏa thuận với nhau về việc ông H trả lại cho nguyên đơn 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 53.065.000 đồng ông H giữ lại để trả cho Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng. Và ông H đồng ý ký giấy ủy quyền cho bà L để bà tự đi khiếu nại hoặc khởi kiện trong việc Nhà nước thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận và sự tự nguyện của ông H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Danh Thị L về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Danh Thị N vắng mặt, Công ty luật TNHH MTV Anh Dũng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Văn H và bà Đoàn Thị U vắng mặt tại nơi cư trú và đã được niêm yết hợp lệ nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Danh Thị L yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, công nhận căn nhà mà bà chuyển nhượng với bà Đoàn Thị U và ông Phạm Văn H là của bà để bà tự đi khiếu nại hoặc khởi kiện trong việc Nhà nước thu hồi đất, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 06/7/2012, ông Nhâm Quang H cùng với ông Phạm Văn H và bà Đoàn Thị U ký Hợp đồng chuyển nhượng đất, nhà ở, vật kiến trúc và thành quả lao động gắn liền với đất. Ông H, bà U chuyển nhượng cho ông H toàn bộ thửa đất, nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc và thành quả lao động gắn liền với đất tại tổ 9, ấp 6 (Bãi Khem), thị trấn A, huyện P. Nay ông H xác nhận người chuyển nhượng, thanh toán tiền chuyển nhượng diện tích đất trên là bà Danh Thị L, ông H chỉ là người đứng tên dùm trong hợp đồng chuyển nhượng theo yêu cầu của bà L. Đây là sự việc có thật, được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Năm 2014, nhà nước công bố quy hoạch dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem nên đất đai và tài sản gắn liền với phần đất này được kê khai đo đạc cho ông Nhâm Quang H đứng tên.

Ngày 12/4/2016, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1414/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem. Bồi thường, hỗ trợ cho ông Hoàng về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ đất đai không đồng.

Do không được bồi thường, hỗ trợ nên ông H làm đơn khiếu nại. Ngày 20/7/2018, ông H ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH Anh Dũng. Ngày 10/6/2019, ông H làm giấy uỷ quyền cho bà Huỳnh Thị Ngọc M.

Ngày 20/01/2020, UBND huyện P ban Quyết định số 806/QD-UBND về việc hỗ trợ vật kiến trúc cho ông Nhâm Quang H với số tiền 143.065.000 đồng.

Ông Đoàn Thiện Đ thừa nhận trong số tiền 143.065.000 đồng mà ông H nhận có giao lại cho bà Danh Thị L 70.000.000 đồng, bà L đồng ý cho ông H 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 53.065.000 đồng do ông Ho chưa bàn giao nên bà L khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền này và yêu cầu công nhận diện tích đất 60m^2 cho bà L.

Xét yêu cầu công nhận QSDĐ của bà L nhận thấy: Đất này bà L nhờ ông H đứng tên nhận chuyển nhượng khi ông H, bà U chưa có giấy tờ. Tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND cũng như biên bản hoà giải số 14/BB-HĐTCĐĐ ngày 30/7/2020 của UBND thị trấn A (nay là phường A) thể hiện diện tích đất 60m^2 tại tổ 9, ấp 6 (Bãi Khem), phường A, thành phố P ông H không được xem xét bồi thường, hỗ trợ do xây dựng nhà trái phép trên đất nhà nước quản lý. Sau khi có đơn khiếu nại, ông H đã được giải quyết bằng Quyết định số 806/QD-UBND ngày 20/01/2020. Khi nhận được tiền ông H đã giao lại cho bà L 70.000.000 đồng. Như vậy tại thời điểm này bà L đã biết được việc ông H có đi khiếu nại mới được bồi thường. Từ đó ông H cũng như bà L không có bất kỳ khiếu nại nào khác và UBND huyện P cũng đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật đất đai. Do đây là đất nhà nước quản lý nên không có căn cứ để công nhận QSDĐ cho bà L.

Về yêu cầu buộc ông H, bà N trả lại số tiền 53.065.000 đồng nhận thấy: Khi nhận được tiền bồi thường ông H đã giao lại cho bà L 70.000.000 đồng, bà L cho vợ chồng ông 20.000.000 đồng. Còn lại 53.065.000 đồng ông H cho rằng để thanh toán 40% thù lao cho Luật sư. Thấy rằng, mặc dù ông Đ không thừa nhận việc bà L đồng ý cho ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng nhưng việc ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý này nhằm mục đích nhờ Công ty Luật Anh Dũng hỗ trợ thực hiện thủ tục khiếu nại để từ không được bồi thường đến được bồi thường số tiền 143.065.000 đồng là mang lại lợi ích cho chính bà L. Hơn nữa cùng đợt bị thu hồi này không chỉ riêng ông H mà còn rất nhiều hộ dân cùng khu vực cũng bị thu hồi và cùng ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật Anh Dũng nên việc ông Đ cho rằng bà L không biết sự việc này là hoàn toàn không có căn cứ. Nay Công ty Luật Anh Dũng có đơn yêu cầu ông H phải trả tiền thù lao theo hợp đồng là đúng thoả thuận tại Điều 3 của hợp đồng. Do số tiền hiện nay ông H đang giữ chỉ còn 53.065.000 đồng nên buộc ông H trả số tiền này theo hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với Công ty Luật Anh Dũng. Như vậy, ông H không còn giữ khoản tiền nào khác nên bác yêu cầu của bà L về khoản tiền 53.065.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Mỹ N đã trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt (BL 193): Tại đơn yêu cầu độc lập Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng yêu cầu ông Nhâm

Quang H và bà Danh Thị N trả số tiền 57.000.000 đồng. Nhưng hiện nay số tiền ông H và bà N hiện vẫn còn giữ 53.000.000 đồng nên Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng chỉ yêu cầu ông H, bà N trả số tiền thực tế là 53.000.000 đồng". Công ty đã xin rút một phần yêu cầu độc lập. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp pháp luật nên HĐXX sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ là phù hợp.

Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với các quy định của pháp luật. Các lý do kháng cáo mà người kháng cáo đã đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Thiện Đ và ông Nhâm Quang H đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc ông H trả lại cho nguyên đơn 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 53.065.000 đồng ông H giữ lại để trả cho Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng. Và ông H đồng ý ký giấy ủy quyền cho bà L để bà tự đi khiếu nại hoặc khởi kiện trong việc Nhà nước thu hồi đất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái với đạo đức xã hội và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Danh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 2.953.250 đồng. Khấu trừ 1.626.625 đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007555 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang nên bà L còn phải nộp tiếp 1.326.625 đồng (Làm tròn: Một triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Ông H, bà N phải chịu 2.653.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Làm tròn: Hai triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng không phải chịu án phí nên được hoàn trả 1.425.000 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004261 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Danh Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 401, Điều 513, Điều 515 BLDS năm 2015; Điều 12 và khoản 4 Điều 67 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Danh Thị Lan.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Đoàn Thiện Đ và ông Nhâm Quang H về việc ông H trả lại cho nguyên đơn 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 53.065.000 đồng ông H giữ lại để trả cho Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng. Và ông H đồng ý ký giấy ủy quyền cho bà L để bà L tự đi khiếu nại hoặc khởi kiện trong việc Nhà nước thu hồi đất.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Luật TNHH Anh Dũng.

Buộc ông Nhâm Quang H và bà Danh Thị N trả cho Công ty Luật TNHH Anh Dũng phí dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 39/2018/HĐ-ADL ký ngày 20/7/2018 với số tiền 53.065.000 đồng (Năm mươi ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của Công ty Luật TNHH Anh Dũng về việc yêu cầu ông H, bà L trả số tiền 3.935.000 đồng (Ba triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Danh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 2.953.250 đồng. Khấu trừ 1.626.625 đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007555 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang nên bà L còn phải nộp tiếp 1.326.625 đồng (Làm tròn: Một triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Ông H, bà N phải chịu 2.653.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Làm tròn: Hai triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Công ty Luật TNHH MTV Anh Dũng không phải chịu án phí nên được hoàn trả 1.425.000 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004261 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Danh Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp

theo biên lai thu số 0000528 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP Phú Quốc;
- THA dân sự TP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán	**Thẩm phán**	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Trần Bá Kha